

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HS-ST
Ngày 23 - 5 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L - TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Đồng;
2. Ông Tạ Văn Doanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ca – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà: Ông Hoàng Thành Đ, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2023/HSST ngày 27/4/2023; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/HSST- QĐ ngày 08/5/2023 đối với bị cáo:

Vi Văn T, Sinh năm 1992; Tên gọi khác: Không; Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Sán c; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông Vi Văn L và bà Lý Thị H; Vợ, Nguyễn Thị Y sinh năm 1994 (đã ly hôn); Con: 01 con, sinh năm 2014.

Nhân thân: Tại bản án số 82/2012/HSST ngày 14/9/2012 của Toà án nhân dân huyện L xử phạt Vi Văn T09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 17 tháng 28 ngày về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, buộc Vi Văn T bồi thường cho anh Đoàn Xuân Trình số tiền 2.310.000 đồng, ph chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 14/9/2012 Vi Văn T chấp hành toàn bộ phần dân sự, án phí của bản án. Tính đến thời điểm phạm tội mới T đã được xóa án tích;

Tiền sự: Không; Tiền án: Tại bản án số 70/2020/HSST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Vi Văn T01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo ph chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 24/02/2021 Vi Văn T chấp hành xong án phí. Ngày 28/9/2021 Vi Văn T chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Tính thời điểm phạm tội này T chưa được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/02/2023 “có mặt”.

2. Hoàng Văn H, Sinh năm 1994; Tên gọi khác: Không; Địa chỉ: Thôn K 2B, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ

văn hoá: 7/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông Lê Văn Hùng (đã chết) và bà Hoàng Thị C; Vợ, con: không.

Nhân thân:

+ Tại bản án số 87/2016/HSST ngày 28/10/2016 của Toà án nhân dân huyện L xử phạt Hoàng Văn H 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, ph chiụ 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 16/02/2017 Hoàng Văn H chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 26/10/2018 H chấp hành xong hình phạt tù. Tính đến thời điểm phạm tội này H đã được xoá án tích.

+ Tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành cnh đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 15/2020/QĐ-TA ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Hoàng Văn H trong thời hạn 24 tháng. Ngày 9/9/2022 H đã chấp hành xong quyết định.

Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành cnh số 141/QĐ-XPVPHC ngày 22/9/2016 của Công an huyện L xử phạt Hoàng Văn H số tiền 1.000.000 đồng về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. H chưa chấp hành số tiền trên.

Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/02/2023 “có mặt”.

Bị hại: Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 26/01/2013.

Đại diện hợp pháp cho bị hại: Ông Nguyễn Cao C, sinh năm 1980 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Lý Thị H, sinh năm 1967 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Phạm Văn V, sinh năm 1977 “vắng mặt”.

Địa chỉ: TDP K, TT C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người làm chứng:

Ngô Quang K, sinh ngày 04/11/2013 “vắng mặt”.

Đại diện theo pháp luật cho K: Ông Ngô Minh C, sinh năm 1945 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nguyễn Phú T, sinh ngày 28/11/2013 “vắng mặt”.

Đại diện theo pháp luật cho T: Chị Giáp Thị T, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Thôn K 2B, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 23/02/2023 Vi Văn Tđiều khiển xe mô tô nhãn hiệu SUBITO, biển kiểm soát 98N1-4302 đến nhà Hoàng Văn H sinh năm 1994 trú tại thôn Kép 2B, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang để đón H đi chơi. Khoảng 13 giờ cùng ngày khi Tđang điều khiển xe mô tô chở H đi trên trục đường liên thôn Phố Kép, xã H, huyện L, hướng quốc lộ 31 thì phát hiện thấy cháu Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 26/01/2013 trú tại thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cổ có đeo 01 sợi dây ch bạc đang điều khiển xe đạp một mình đi trên đường. Tnói với H: “*Tý anh đi qua mày giật cái dây ch kia của nó*” H trả lời: “*Vâng*”. Sau đó Tđiều khiển xe mô tô vượt lên đầu xe đạp của cháu Đ rồi dừng lại, cháu Đ thấy

vậy cũng dừng xe đạp lại, H hỏi cháu Đ là con nhà ai, ở đâu thì cháu Đ trả lời: “*Cháu con bố C ở H*”, đồng thời lúc này H vẫn ngồi trên xe mô tô dùng hai tay giật lấy sợi dây ch trên cổ cháu Đ làm móc khóa của sợi dây ch bật ra. Thấy H đã giật được sợi dây ch của cháu Đ thì T điều khiển xe mô tô bỏ chạy theo xã H đi thị trấn C. Sau đó T và H mang sợi dây ch cướp giật được của cháu Đ đến cửa hàng vàng bạc “Hoàng V” ở tổ dân phố K thị trấn C, huyện L bán cho anh Phạm Văn V sinh năm 1977 là chủ cửa hàng. Anh V cân sợi dây ch được t lượng 11,86 gam, anh V trả cho T và H số tiền 130.000 đồng (Một trăm ba mươi nghìn đồng). Số tiền này T và H đã cùng nhau tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện cháu Nguyễn Tiến Đ bị cướp giật tài sản, cùng ngày anh Nguyễn Cao C sinh năm 1980 trú tại thôn H, xã H, huyện L (bố đẻ của cháu Đ) đã làm đơn trình báo Công an huyện L. Cùng ngày Công an huyện L đã tiếp nhận đơn trình báo và tiến hành xác định hiện trường nơi xảy ra vụ án tại thôn Phố Kép, xã H huyện L.

Ngày 23/02/2023 anh Giáp Văn Hưởng sinh năm 1981 trú tại thôn phố Kép, xã H, huyện L đã giao nộp 01 đĩa DVD được sao l từ camera an ninh của gia đình ghi lại hình ảnh cháu Đ bị cướp giật sợi dây ch. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện L tạm giữ của anh Phạm Văn V sinh năm 1977 trú tại tổ dân phố K, thị trấn C, huyện L 01 sợi dây ch kim loại màu trắng bạc có khối lượng 11,86gam.

Ngày 24/02/2023 Vi Văn T, Hoàng Văn H đã đến Công an huyện L đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của bản thân. Quá trình đầu thú Vi Văn T giao nộp 01 đôi dép nhựa màu trắng; 01 áo cộc tay bằng vải tối màu; 01 áo khoác dài tay bằng vải màu đen; 01 đôi dép nhựa màu trắng; 01 quần bò màu dài màu xám ghi; 01 xe mô tô kiểu dáng xe Dream biển kiểm soát 98N1-4302 và 01 mũ bảo hiểm màu đen; Hoàng Văn H giao nộp 01 đôi giày da màu đen; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh rêu; 01 quần bò màu xanh trắng. Tất cả là trang phục H và T mặc khi cướp giật sợi dây ch của cháu Đ.

Ngày 24/03/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã Quyết định trưng cầu giám định chiếc dây ch kim loại màu trắng đã thu giữ của anh V. Tại bản kết luận giám định số 2136/KL-KTHS ngày 31/3/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận : “01 (một) sợi dây ch kim loại màu trắng bạc, chế tác dạng các mắt xích nối với nhau, đã bị mất móc khóa gửi giám định có tổng khối lượng 11,86gam là hợp kim của bạc (Ag), cadmi (Cd), kẽm (Zn), hàm lượng trung bình Ag: 87,42%.”.

Ngày 07/4/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Yêu cầu định giá tài sản sợi dây ch bạc nêu trên. Tại bản kết luận định giá tài sản số 63/KL-HĐĐGTS ngày 10/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện L kết luận: “01 sợi dây ch bằng bạc màu trắng có t lượng 11,86 gam = 3,16 chỉ, chế tác dạng mắt xích nối với nhau có **giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 158.000 đồng** (Một trăm năm tám nghìn đồng).

Ngày 10/4/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã cho cháu Nguyễn Tiến Đ nhận dạng qua bản ảnh sợi dây ch bạc. Kết quả cháu Đ nhận ra sợi dây ch tại ảnh số 03 là sợi dây ch của cháu bị cướp giật, đó cnh là sợi dây ch do anh V mua của T, H.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp bị hại, anh Nguyễn Cao C và anh Phạm Văn V không yêu cầu các bị cáo ph bồi thường gì.

Quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, các bị cáo không có ý kiến gì đối với nội dung bản cáo trạng cũng như bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của những đương sự vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình điều tra. Các bị cáo không có ý kiến gì về lời khai của đương sự vắng mặt.

Bản cáo trạng số 56/CT-VKS ngày 26/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vi Văn Ttử 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội “cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 24/02/2023. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 24/02/2023. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo. Ngoài ra còn đề xuất về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, cùng toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ ngày 23/02/2023 tại đường liên thôn thuộc thôn Phở Kép, xã H, huyện L, Vi Văn Ttử và Hoàng Văn H đã thực hiện hành vi cướp giật 01(một) sợi dây ch bạc có t lượng 11,86g, trị giá 158.000 đồng của cháu Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 26/01/2013 đang đeo trên cổ (lúc này cháu Đ được 10 tuổi 28 ngày). Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Vì vậy đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm g

khoản 2 điều 171 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

[3] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án này các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Đánh giá vai trò của các bị cáo xét thấy bị cáo Vi Văn Tlà người khởi xướng, xúi giục bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò chủ chốt trong vụ án, bị cáo H giữ vai trò sau bị cáo T.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vi Văn T đã bị kết án, trong thời gian chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Bị cáo Hoàng Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội các bị cáo đã đến Công an huyện L đầu thú nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo. Các bị cáo nhân thân từng phạm tội, từng bị xử phạt hành chính. Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội. Tuy nhiên các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ nên cần giảm hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước ta. Xét mức hình phạt khởi điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Về hình phạt bổ sung bằng hình phạt tiền: Do các bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đại diện hợp pháp bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Xử lý vật chứng:

+ Ngày 11/4/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Nguyễn Cao C 01 sợi dây ch kim loại bạc màu trắng, chế tác dạng mắt xích nối với nhau, đã bị mất móc khóa có tổng khối lượng 11,86 gam; trả lại cho bà Lý Thị H xe mô tô nhãn hiệu SUBITO, biển kiểm soát 98N1- 4302 là có căn cứ.

+ Đối với 01 đôi dép; 01 quần bò; 01 áo cộc tay; 01 áo khoác dài tay; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 đôi giày; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh rêu; 01 quần bò màu xanh trắng là tài sản thu giữ các bị cáo tuy không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng các bị cáo đều không yêu cầu được lấy lại, xác định đây là tài sản không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy theo đúng quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUBITO, biển kiểm soát 98N1- 4302 mà Vi Văn T sử dụng chở Hoàng Văn H thực hiện hành vi cướp giật tài sản. T đã mượn chiếc xe mô tô trên của bà H để đi lại, khi T mượn xe bà H không biết T sử dụng vào mục đích phạm tội. Do đó cơ quan điều tra không đặt ra xem xét xử lý đối với bà H là có căn cứ.

Đối với anh Phạm Văn V là người mua sợi dây ch bạc của H vào ngày 24/02/2023, quá trình điều tra xác định khi mua số tài sản trên của H thì anh V không biết đó là tài sản do H phạm tội mà có, do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh V là có căn cứ.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo ph chịu án phí và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Vi Văn T04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “ cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 24/02/2023.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 04 (bốn) năm tù về tội “cướp giật tài sản” Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 24/02/2023.

2. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép nhựa màu trắng; 01 quần bò dài màu xám ghi; 01 áo cộc tay bằng vải tối màu có chữ adidas; 01 áo khoác dài tay bằng vải màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 đôi giày da màu đen; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh rêu; 01 quần bò màu xanh trắng.

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Vi Văn T và Hoàng Văn H mỗi bị cáo ph chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã H;
- Bị cáo; đương sự;
- L: VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Linh